

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

Số: 1617 /TB-HCQG

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2021

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Học viện Hành chính Quốc gia thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2021 với 619 chỉ tiêu, dự kiến như sau:

1. Ngành tuyển sinh

- | | |
|--|-------------------|
| - Ngành Quản lý công: 393 chỉ tiêu | Mã số: 8 34 04 03 |
| - Ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính: 95 chỉ tiêu | Mã số: 8 38 01 02 |
| - Ngành Chính sách công: 30 chỉ tiêu | Mã số: 8 34 04 02 |
| - Ngành Quản lý kinh tế: 72 chỉ tiêu | Mã số: 8 31 01 10 |
| - Ngành Tài chính – Ngân hàng: 29 chỉ tiêu | Mã số: 8 34 02 01 |

2. Hình thức và thời gian đào tạo

2.1. Hình thức đào tạo: Tập trung

2.2. Thời gian đào tạo: Hai năm

3. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

3.1. Về văn bằng

- Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi;
- Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành dự thi và đã học bổ sung kiến thức chương trình đại học tại Học viện (các lớp học bổ sung kiến thức để dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 được tổ chức liên tục tại Học viện và các Phân viện trực thuộc Học viện);
- Người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản lý công và Chính sách công được đăng ký dự thi sau khi đã học bổ sung kiến thức chương trình đại học tại Học viện;
- Người có chứng chỉ chuyển đổi kiến thức để thi cao học ngành Quản lý công được đăng ký dự thi ngành Chính sách công;
- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng tương đương.

3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- Người tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần được dự thi 05 ngành trên ngay sau khi tốt nghiệp;

b) Người tốt nghiệp đại học ngành khác đăng ký dự thi ngành Quản lý công và Chính sách công phải có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ khi có Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học.

3.3. *Về lý lịch bản thân*: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

3.4. *Về điều kiện sức khỏe*: Có đủ sức khỏe để học tập (trừ đối tượng đăng ký dự thi là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định tại Điểm e Mục 6.1 của Thông báo này).

3.5. *Thời hạn nộp hồ sơ*: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

4. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác được đăng tải trang thông tin điện tử của Học viện Hành chính Quốc gia: <http://www.napa.vn>.

5. Các môn thi tuyển sinh

Thi tuyển sinh 3 môn, cụ thể như sau:

5.1. Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ A2 (áp dụng chung đối với 05 chuyên ngành);

5.2. Hai môn thi khác đối với từng ngành

a) Ngành Quản lý công:

- Môn 1: Quản lý học đại cương;
- Môn 2: Lý luận hành chính nhà nước.

b) Ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính:

- Môn 1: Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật;
- Môn 2: Luật Hiến pháp.

c) Ngành Tài chính – Ngân hàng

- Môn 1: Kinh tế học
- Môn 2: Tài chính – Tiền tệ

d) Ngành Chính sách công:

- Môn 1: Quản lý học đại cương;
- Môn 2: Những vấn đề cơ bản về chính sách công.

đ) Ngành Quản lý kinh tế

- Môn 1: Kinh tế học;
- Môn 2: Quản lý nhà nước về kinh tế.

5.3. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Học viện thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ.

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng

kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) trong thời hạn 02 (hai) năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08/5/2020, gồm: (1) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; (2) Trường Đại học Hà Nội; (3) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1; (4) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế; (5) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; (6) Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh; (7) Trường Đại học Cần Thơ; (8) Đại học Thái Nguyên; (9) Trường Đại học Vinh; (10) Học viện An ninh nhân dân; (11) Trường Đại học Sài Gòn; (12) Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; (13) Trường Đại học Trà Vinh; (14) Trường Đại học Văn Lang.

Học viện tổ chức thẩm định văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của thí sinh để xem xét việc miễn thi ngoại ngữ theo Phụ lục II của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (Thí sinh nộp Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thể hiện sự công tác liên tục trong 02 năm);

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận thương binh hoặc Giấy chứng nhận hưởng chính sách như thương binh);

c) Con liệt sĩ (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và Giấy khai sinh);

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động (Thí sinh nộp Quyết định tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định tặng danh hiệu Anh hùng lao động);

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này (Thí sinh nộp Sổ hộ khẩu gia đình);

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học (Thí sinh nộp Quyết định trợ cấp của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và Giấy khai sinh).

6.2. Mức ưu tiên

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 6.1 của Thông báo này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định

của Thông báo này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn chủ chốt của ngành (ngành Quản lý công: môn Lý luận hành chính nhà nước; ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính: môn Luật Hiến pháp; ngành Tài chính – Ngân hàng: môn Tài chính – Tiền tệ; ngành Chính sách công: môn Những vấn đề cơ bản về chính sách công; ngành Quản lý kinh tế: môn Kinh tế học).

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên cho một đối tượng.

7. Hồ sơ tuyển sinh

7.1. Nộp hồ sơ theo các danh mục sau

a) Đơn đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (theo mẫu);

b) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án dân sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

c) 02 bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, 02 bản sao công chứng bằng điểm và 01 bản sao công chứng chứng chỉ bổ sung kiến thức do Học viện cấp;

d) 02 bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, nếu thuộc một trong các trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ (mang theo văn bằng, chứng chỉ gốc để đối chiếu khi tiếp sinh);

đ) Giấy chứng nhận có đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa (trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

e) 02 bản sao công chứng các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

g) Xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự về kinh nghiệm công tác chuyên môn hoặc bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng/ bổ nhiệm/ hợp đồng lao động để xác nhận về kinh nghiệm công tác chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học ngành khác;

h) 06 ảnh 3 x 4 có ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh của thí sinh sau từng ảnh;

i) 02 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ người nhận (để gửi Giấy báo)

k) 01 bản photo 2 mặt chứng minh thư/thẻ căn cước.

7.2. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ: Từ ngày 27/10/2020 đến ngày 28/12/2020 (Hồ sơ đăng ký dự thi theo mẫu do Học viện Hành chính Quốc gia phát hành).

7.3. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

a) Tại Hà Nội: Phòng 112 Nhà A – Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quản lý đào tạo sau đại học, số 77 đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội; điện thoại liên hệ: (024) 37.731.907;

b) Tại Huế: Phòng Quản lý đào tạo Bồi dưỡng, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Huế, số 201 đường Phan Bội Châu, thành phố Huế; điện thoại liên hệ: (0234).3.931.612;

c) Tại Tây Nguyên: Phòng Quản lý đào tạo Bồi dưỡng, Phân viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên, số 02 đường Trương Quang Tuấn, phường Tân Lập, thành phố Buon Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; điện thoại liên hệ: (0262).3.896.969;

d) Tại Thành phố Hồ Chí Minh: Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh, số 10 đường 3/2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại liên hệ: (028) 38.632.701.

8. Thời gian, địa điểm thi tuyển sinh

8.1. Thời gian thi: Ngày 23/01/2021 (Thứ Bảy) và ngày 24/01/2021 (Chủ Nhật).

8.2. Địa điểm thi:

a) Tại Hà Nội: Học viện Hành chính Quốc gia, số 77 đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội; điện thoại liên hệ: (024) 37.731.907;

b) Tại Huế: Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Huế, số 201 đường Phan Bội Châu, thành phố Huế; điện thoại liên hệ: (0234).3.931.612;

c) Tại Tây Nguyên: Phân viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên, số 02 đường Trương Quang Tuấn, phường Tân Lập, thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; điện thoại liên hệ: (0262).3.896.969;

d) Tại thành phố Hồ Chí Minh: Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh, số 10 đường 3/2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại liên hệ: (028) 38.632.701.

9. Lệ phí thi tuyển sinh

9.1. Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000 đồng/hồ sơ;

9.2. Lệ phí thi tuyển sinh: 120.000 đồng/môn thi/thí sinh;

(Thí sinh nộp lệ phí đăng ký dự thi và lệ phí thi tuyển sinh khi nộp hồ sơ).

Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi (số báo danh, phòng thi, lịch thi); kết quả tuyển sinh, danh sách thí sinh trúng tuyển; kế hoạch khai giảng khóa học và các thông tin có liên quan sẽ được niêm yết trên các bảng tin và cập nhật trên trang thông tin điện tử của Học viện Hành chính Quốc gia: <http://www.napa.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện;
- Các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể TW (Vụ TCCB);
- Các UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Viện Nghiên cứu, Học viện, trường Đại học, Cao đẳng;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty;
- Các Phân viện, đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu VT, SĐH.

GIÁM ĐỐC *Mat*



Đặng Xuân Hoan



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần
và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ
chuyên ngành Quản lý công, mã số 8340403**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện ngày 31/7/2019;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công, mã số 8340403 của Học viện Hành chính Quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định có liên quan do Học viện ban hành trước đây trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Mal*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: VT, SDH.



Đặng Xuân Hoan

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN
VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI ĐÀO TẠO TRÌNH
ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG, MÃ SỐ 8340403
CỦA HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

(Kèm theo Quyết định số : 2809 /QĐ-HCQG ngày 09/8/ 2019 của Giám đốc Học viện)

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần

a) Ngành đúng, ngành phù hợp

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7310205	Quản lý nhà nước/ Hành chính học
2.	7340403	Quản lý công
3.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Quản lý nhà nước tại Học viện Hành chính Quốc gia (khi nộp hồ sơ, thí sinh phải nộp bảng điểm đại học để đối chiếu).

b) Ngành gần

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7310201	Chính trị học
2.	7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước
3.	7310206	Quan hệ quốc tế
4.	7340401	Khoa học quản lý
5.	7340404	Quản trị nhân lực
6.	7340405	Hệ thống thông tin quản lý
7.	7340406	Quản trị văn phòng
8.	7340408	Quan hệ lao động
9.	7340409	Quản lý dự án
10.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Quản lý nhà nước tại Học viện Hành chính Quốc gia (khi nộp hồ sơ, thí sinh phải nộp bảng điểm đại học để đối chiếu).

c) Ngành khác: Các mã ngành còn lại

(thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành khác được dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công sau khi học bổ sung kiến thức theo quy định)

2. Chương trình bổ sung kiến thức

a) *Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp:*

Không phải học bổ sung kiến thức.

b) *Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần:* học 5 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản lý học đại cương	02
2	Lý luận hành chính nhà nước	02
3	Lý luận nhà nước và pháp luật	01
4	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	01
5	Kỹ thuật và nghiệp vụ hành chính	01

c) *Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành khác:* học 11 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản lý học đại cương	02
2	Lý luận hành chính nhà nước	02
3	Lý luận nhà nước và pháp luật	01
4	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	01
5	Kỹ thuật và nghiệp vụ hành chính	01
6	Hiến pháp và Luật tổ chức nhà nước	01
7	Nhân sự hành chính nhà nước	01
8	Quản lý nhà nước về xã hội	01
9	Quản lý nhà nước về đô thị nông thôn	01
10	Quản lý tài chính công	01
11	Quản lý nhà nước về kinh tế	01

Maab

Số: 2810 /QĐ-HCQG

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần
và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ
chuyên ngành Chính sách công, mã số 8340402**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện ngày 31/7/2019;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công, mã số 8340402 của Học viện Hành chính Quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định có liên quan do Học viện ban hành trước đây trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Mal*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: VT, SDH.



GIÁM ĐỐC

Đặng Xuân Hoan

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN
VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI ĐÀO TẠO TRÌNH
ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH CHÍNH SÁCH CÔNG, MÃ SỐ 8340402
CỦA HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

(Kèm theo Quyết định số : 2810/QĐ-HCQG, ngày 09/8/2019 của Giám đốc Học viện)

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần

a) Ngành đúng, ngành phù hợp

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7340403	Quản lý công
2.	7310205	Quản lý nhà nước/ Hành chính học
3.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của chuyên ngành Chính sách công tại Học viện Hành chính Quốc gia (khi nộp hồ sơ, thí sinh phải nộp bảng điểm đại học để đối chiếu).

b) Ngành gần

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7310201	Chính trị học
2.	7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước
3.	7310206	Quan hệ quốc tế
4.	7340401	Khoa học quản lý
5.	7340404	Quản trị nhân lực
6.	7340405	Hệ thống thông tin quản lý
7.	7340406	Quản trị văn phòng
8.	7340408	Quan hệ lao động
9.	7340409	Quản lý dự án
10.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của chuyên ngành Chính sách công tại Học viện Hành chính Quốc gia (khi nộp hồ sơ, thí sinh phải nộp bảng điểm đại học để đối chiếu).

c) Ngành khác: Các mã ngành còn lại

(thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành khác được dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công sau khi học bổ sung kiến thức theo quy định)

2. Chương trình bổ sung kiến thức

a) *Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp:*

Không phải học bổ sung kiến thức.

b) *Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần:* Học 5 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản lý học đại cương	02
2	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	02
3	Chính trị học	01
4	Lý luận hành chính nhà nước	01
5	Lý luận nhà nước và pháp luật	01

c) *Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành khác:* Học 11 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản lý học đại cương	02
2	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	02
3	Chính trị học	01
4	Lý luận hành chính nhà nước	01
5	Lý luận nhà nước và pháp luật	01
6	Quản lý nhà nước về xã hội	01
7	Quản lý tài chính công	01
8	Kinh tế trong khu vực công	01
9	Quản lý nhà nước về kinh tế	01
10	Quản lý công	01
11	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	01

Mlab

Số: 2811 /QĐ-HCQG

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, mã số 8380102

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện ngày 31/7/2019;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

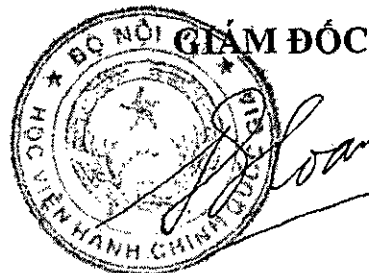
Điều 1. Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, mã số 8380102 của Học viện Hành chính Quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định có liên quan do Học viện ban hành trước đây trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Mab*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: VT, SDH.



Đặng Xuân Hoan

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN
VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI ĐÀO TẠO TRÌNH
ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH
CHÍNH, MÃ SỐ 8380102 CỦA HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**
(Kèm theo Quyết định số: 28M/QĐ-HCQG ngày: 09/8/2019 của Giám đốc Học viện)

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần

a) Ngành đúng, ngành phù hợp

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7380102	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
2.	7380101	Luật
3.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Luật tại Đại học Luật Hà Nội (khi nộp hồ sơ, thí sinh phải nộp bảng điểm đại học để đối chiếu)

b) Ngành gần

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7380103	Luật dân sự và tổ tụng dân sự
2.	7380104	Luật hình sự và tổ tụng hình sự
3.	7380107	Luật kinh tế
4.	7380108	Luật quốc tế
5.	73890	Pháp luật khác
6.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Luật tại Đại học Luật Hà Nội (khi nộp hồ sơ, thí sinh phải nộp bảng điểm đại học để đối chiếu)

2. Chương trình bổ sung kiến thức

a) *Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp:*

Không phải học bổ sung kiến thức.

b) *Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần:* Học 5 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Luật Hiến pháp Việt Nam	02
2	Luật Hành chính Việt Nam	01
3	Luật Dân sự Việt Nam	01
4	Luật Hình sự Việt Nam	01
5	Lý luận về nhà nước và pháp luật	02

Mab



Số: 571 /QĐ-HCQG

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần
và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Tài chính – Ngân hàng, mã số 8340201**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện ngày 25/02/2020;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng, mã số 8340201 của Học viện Hành chính Quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định có liên quan do Học viện ban hành trước đây trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Mit*

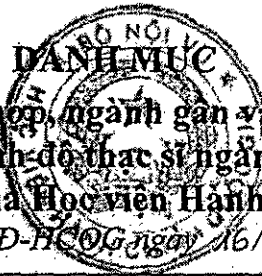
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC



Loan
Đặng Xuân Hoan



Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng, mã số 8340201 của Học viện Hành chính Quốc gia
(Kèm theo Quyết định số : 57A /QĐ-HCQG ngày 16/03/ 2020 của Giám đốc Học viện)

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần

a) Ngành đúng, ngành phù hợp

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7340201	Tài chính – Ngân hàng
2.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Ngân hàng.

b) Ngành gần

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7340204	Bảo hiểm
2.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Ngân hàng như: <ul style="list-style-type: none">- Kinh tế;- Kinh tế chính trị;- Kinh tế đầu tư;- Kinh tế phát triển;- Kinh tế quốc tế;- Thống kê kinh tế;- Toán kinh tế;- Quản trị kinh doanh;- Marketing;- Bất động sản;- Kinh doanh quốc tế;- Kinh doanh thương mại;- Thương mại điện tử;- Kế toán;- Kiểm toán;- Quản lý nhà nước (Chuyên ngành QLNN về kinh tế);- Quản lý nhà nước (Chuyên ngành Quản lý tài chính công);- ...

Ghi chú: Học viện Hành chính Quốc gia sẽ kiểm tra bảng điểm đại học của thí sinh khi nộp hồ sơ để xác định tỷ lệ khác biệt của khối kiến thức ngành.

2. Chương trình bổ sung kiến thức

a) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp:

Không phải học bổ sung kiến thức.

b) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần: học 4 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế học	02
2	Tài chính doanh nghiệp	01
3	Tài chính - Tiền tệ	02
4	Quản lý tài chính công	02

Ma

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần
và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Quản lý kinh tế, mã số 8310110**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện ngày 25/02/2020;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế, mã số 8310110 của Học viện Hành chính Quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định có liên quan do Học viện ban hành trước đây trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Ma*

Nơi nhận:

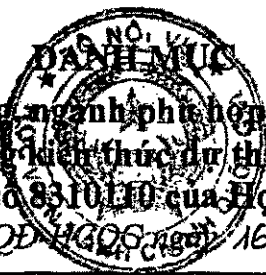
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC



Đông Xuân Hoan
Đông Xuân Hoan





Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần
và Chương trình bổ sung kiến thức dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Quản lý kinh tế, mã số 8310.110 của Học viện Hành chính Quốc gia
(Kèm theo Quyết định số : 570 /QĐ-HQGG ngày 16/03/ 2020 của Giám đốc Học viện)

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần

a) Ngành đúng, ngành phù hợp

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7310101	Kinh tế
2.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt dưới 10% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Kinh tế (chuyên ngành Quản lý kinh tế) của trường Đại học Thương mại.

b) Ngành gần

TT	Mã số	Tên ngành
1.	7310102	Kinh tế chính trị
2.	7310104	Kinh tế đầu tư
3.	7310105	Kinh tế phát triển
4.	7310106	Kinh tế quốc tế
5.	7310107	Thống kê kinh tế
6.	7310108	Toán kinh tế
7.		Những ngành có nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% đến 40% so với nội dung chương trình khối kiến thức ngành của ngành Kinh tế (chuyên ngành Quản lý kinh tế) của trường Đại học Thương mại như: <ul style="list-style-type: none">- Quản trị kinh doanh;- Marketing;- Bất động sản;- Kinh doanh quốc tế;- Kinh doanh thương mại;- Thương mại điện tử;- Tài chính – Ngân hàng;- Bảo hiểm;- Kế toán;- Kiểm toán;

		<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nhà nước (Chuyên ngành QLNN về kinh tế); - Quản lý nhà nước (Chuyên ngành Quản lý tài chính công); - Kinh tế nông nghiệp; - Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; - Kinh tế vận tải; - Kinh tế xây dựng; - Kinh tế công nghiệp - ...
--	--	---

Ghi chú: Học viện Hành chính Quốc gia sẽ kiểm tra bằng điểm đại học của thí sinh khi nộp hồ sơ để xác định tỷ lệ khác biệt của khối kiến thức ngành.

2. Chương trình bổ sung kiến thức

a) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp:

Không phải học bổ sung kiến thức.

b) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần: học 4 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế học	02
2	Kinh tế phát triển	01
3	Quản lý nhà nước về kinh tế	02
4	Quản lý tài chính công	02

Mab